

Số: 1318/QĐ-CVCX

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt Hồ sơ báo giá Phi tư vấn – Dịch vụ chăm sóc, bảo dưỡng Cây xanh - mảng xanh Khu vực 4,5 thuộc công trình Bảo trì công trình hạ tầng và tiện ích công cộng năm 2026 tại Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV CÔNG VIÊN CÂY XANH TP.HCM

Căn cứ Quyết định số 1261/QĐ-HĐTV ngày 06/5/2026 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh TP.HCM (sau đây gọi tắt là Công ty) về việc ban hành Quy chế lựa chọn nhà thầu trong hoạt động mua sắm của Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1297/QĐ-CVCX ngày 08/5/2026 của Công ty về việc phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm dịch vụ chăm sóc, bảo dưỡng mảng xanh Khu vực 4,5 thuộc công trình Bảo trì công trình hạ tầng và tiện ích công cộng năm 2026 tại Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1298/QĐ-CVCX ngày 08/5/2026 của Công ty về việc thành lập Tổ mua sắm gói thầu Phi tư vấn - Dịch vụ chăm sóc, bảo dưỡng mảng xanh Khu vực 4,5 thuộc công trình Bảo trì công trình hạ tầng và tiện ích công cộng năm 2026 tại Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Tờ trình số 340/TTr-KD ngày 12/5/2026 của Tổ mua sắm về việc phê duyệt Hồ sơ báo giá gói thầu Phi tư vấn - Dịch vụ chăm sóc, bảo dưỡng mảng xanh Khu vực 4,5 thuộc công trình Bảo trì công trình hạ tầng và tiện ích công cộng năm 2026 tại Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh doanh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Hồ sơ báo giá gói thầu Phi tư vấn - Dịch vụ chăm sóc, bảo dưỡng mảng xanh Khu vực 4,5 thuộc công trình Bảo trì công trình hạ tầng và tiện ích công cộng năm 2026 tại Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh như hồ sơ đính kèm.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Tổ mua sắm, các Phòng nghiệp vụ và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- HĐTV, KSV;
- Các PGĐ, KTT;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, KD.LV.



GIÁM ĐỐC

Lê Thành Khoa

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

- Tên gói thầu: Phi tư vấn - Dịch vụ chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh - mảng xanh Khu vực 4,5 thuộc công trình Bảo trì công trình hạ tầng và tiện ích công cộng năm 2026 tại Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh
- Dự toán mua sắm: Dịch vụ chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh - mảng xanh Khu vực 4,5 thuộc công trình Bảo trì công trình hạ tầng và tiện ích công cộng năm 2026 tại Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh
- Phát hành ngày: 13/5/2026
- Ban hành kèm theo Quyết định: 1318/QĐ-CVCX ngày 13/05/2026

Bên mời thầu

GIÁM ĐỐC



Lê Thành Khoa

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên chủ đầu tư là: Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh TP.HCM
2. Tên bên mời thầu là: Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh TP.HCM
3. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn (nộp báo giá) gói thầu Phi tư vấn - Dịch vụ chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh - mảng xanh Khu vực 4,5 thuộc công trình Bảo trì công trình hạ tầng và tiện ích công cộng tại Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh thuộc dự toán mua sắm Dự toán mua sắm Dịch vụ chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh - mảng xanh Khu vực 4,5 thuộc công trình Bảo trì công trình hạ tầng và tiện ích công cộng tại Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.
4. Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 03b Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá

chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Cam kết thực hiện gói thầu Phi tư vấn theo Mẫu số 02 Chương III
3. Biểu giá theo Mẫu số 3b Chương III
4. Các nội dung cần thiết khác: Phải cung cấp hồ sơ đáp ứng yêu cầu tại Chương II

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 30 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử hoặc fax về địa chỉ: Số 2 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hòa, TP.HCM, số điện thoại 02838295729, không muộn hơn **15 giờ 00 phút ngày 18/5/2026**. Các báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;

2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 8. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau: $3\% \times$ giá trị hợp đồng bằng hình thức đảm bảo bằng tiền mặt, chuyển khoản hoặc bảo lãnh ngân hàng.

Mục 9. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định của Luật đấu thầu.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

1. Phạm vi

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng
A	KHU VỰC 4		
I	V. Đường D5 (tưới nước xe bồn)		
1	Duy trì cây bóng mát loại 1	1 cây/năm	58,000
2	Tưới nước thảm cỏ - Bằng xe bồn: Xe bồn 8 m ³	100 m ² /lần	1.011,000
3	Phát thảm cỏ bằng máy	100 m ² /lần	101,100
4	Bón phân cỏ	100 m ² /lần	16,850
5	Phát thảm cỏ bằng máy (đường D5 phần vỉa hè)	100 m ² /lần	113,460
6	Quét rác trong công viên, mảng xanh - Vị trí quét rác: Đường gạch	1000 m ² /lần	34,020
7	Thu gom rác về điểm tập kết trong công viên bằng thủ công, cự ly bình quân 200m	1 tấn rác	28,200
8	Thu gom rác từ các điểm tập kết lên xe, vận chuyển đến địa điểm đổ cự ly ≤ 5km bằng xe 7 tấn	1 tấn rác	28,200
9	Vận chuyển rác đến địa điểm đổ cho 1km tiếp theo, xe 7 tấn	1 tấn rác/1Km	28,200
II	VI. Đường N9 (tưới nước bằng xe bồn)		
1	Duy trì cây bóng mát mới trồng	1 cây/năm	6,000
2	Phát thảm cỏ bằng máy (Đường N9 phần vỉa hè)	100 m ² /lần	37,040
3	Quét rác trong công viên, mảng xanh - Vị trí quét rác: Đường gạch	1000 m ² /lần	11,100
4	Thu gom rác về điểm tập kết trong công viên bằng thủ công, cự ly bình quân 200m	1 tấn rác	5,920
5	Thu gom rác từ các điểm tập kết lên xe, vận chuyển đến địa điểm đổ cự ly ≤ 5km bằng xe 7 tấn	1 tấn rác	5,920
6	Vận chuyển rác đến địa điểm đổ cho 1km tiếp theo, xe 7 tấn	1 tấn rác/1Km	5,920
B	KHU VỰC 5		
2.4	XXXI. Đường N3 phần vỉa hè (tưới nước xe bồn)		
2.4.1	Duy trì cây bóng mát loại 1	1 cây/năm	102,000
2.4.2	Mé nhánh không thường xuyên cây xanh - Cây xanh loại 1	1 cây/lần	102,000

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng
2.4.3	Vận chuyển rác cây lấy cành khô, cành gãy do mưa bão, cắt mé tạo tán, tạo hình - Cây xanh loại 1	1 cây	102,000
2.4.4	Tưới nước thăm cỏ - Bằng xe bồn: Xe bồn 8 m ³	100 m ² /lần	288,000
2.4.5	Phát thăm cỏ bằng máy	100 m ² /lần	28,800
2.4.6	Phát thăm cỏ bằng máy (đường N3 phần vỉa hè)	100 m ² /lần	198,540
2.4.7	Quét rác trong công viên, mảng xanh - Vị trí quét rác: Đường gạch	1000 m ² /lần	119,100
2.4.8	Thu gom rác về điểm tập kết trong công viên bằng thủ công, cự ly bình quân 200m	1 tấn rác	46,480
2.4.9	Thu gom rác từ các điểm tập kết lên xe, vận chuyển đến địa điểm đổ cự ly ≤ 5km bằng xe 7 tấn	1 tấn rác	46,480
2.4.10	Vận chuyển rác đến địa điểm đổ cho 1km tiếp theo, xe 7 tấn	1 tấn rác/1Km	46,480
2.5	XXXII. Đường N7 phần vỉa hè và dải phân cách (tưới nước xe bồn)		-
2.5.1	Duy trì cây bóng mát loại 1	1 cây/năm	12,000
2.5.2	Mé nhánh không thường xuyên cây xanh - Cây xanh loại 1	1 cây/lần	12,000
2.5.3	Vận chuyển rác cây lấy cành khô, cành gãy do mưa bão, cắt mé tạo tán, tạo hình - Cây xanh loại 1	1 cây	12,000
2.5.4	Tưới nước cây kiểng trở hoa, cây kiểng tạo hình và dây leo - Bằng xe bồn: Xe bồn 8 m ³	100 cây/lần	3,000
2.5.5	Duy trì cây cảnh tạo hình	100 cây/năm	0,025
2.5.6	Tưới nước thăm cỏ - Bằng xe bồn: Xe bồn 8 m ³	100 m ² /lần	2.321,400
2.5.7	Phát thăm cỏ bằng máy	100 m ² /lần	232,140
2.5.8	Bón phân cỏ	100 m ² /lần	38,690
2.5.9	Tưới nước bồn hoa, bồn kiểng, cây hàng rào, rau muống biển, cúc xuyên chi - Bằng xe bồn: Xe bồn 8 m ³	100 m ² /lần	51,600
2.5.10	Duy trì bồn cảnh, không hàng rào	100 m ² /năm	0,420
2.5.11	Phát thăm cỏ bằng máy (Đường N7 phần vỉa hè)	100 m ² /lần	57,420
2.5.12	Quét rác trong công viên, mảng xanh - Vị trí quét rác: Đường gạch	1000 m ² /lần	34,440

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng
2.5.13	Thu gom rác về điểm tập kết trong công viên bằng thủ công, cự ly bình quân 200m	1 tấn rác	36,280
2.5.14	Thu gom rác từ các điểm tập kết lên xe, vận chuyển đến địa điểm đổ cự ly $\leq 5\text{km}$ bằng xe 7 tấn	1 tấn rác	36,280
2.5.15	Vận chuyển rác đến địa điểm đổ cho 1km tiếp theo, xe 7 tấn	1 tấn rác/1Km	36,280
2.6	XXXIII. Đường N10 phần vỉa hè (tưới nước xe bồn)		-
2.6.1	Duy trì cây bóng mát loại 1	1 cây/năm	84,000
2.6.2	Mé nhánh không thường xuyên cây xanh - Cây xanh loại 1	1 cây/lần	84,000
2.6.3	Vận chuyển rác cây lấy cành khô, cành gãy do mưa bão, cắt mé tạo tán, tạo hình - Cây xanh loại 1	1 cây	84,000
2.6.4	Tưới nước thảm cỏ - Bằng xe bồn: Xe bồn 8 m ³	100 m ² /lần	412,800
2.6.5	Phát thảm cỏ bằng máy	100 m ² /lần	41,280
2.6.6	Bón phân cỏ	100 m ² /lần	6,880
2.6.7	Phát thảm cỏ bằng máy (Đường N10 phần vỉa hè)	100 m ² /lần	135,680
2.6.8	Quét rác trong công viên, mảng xanh - Vị trí quét rác: Đường gạch	1000 m ² /lần	81,360
2.6.9	Thu gom rác về điểm tập kết trong công viên bằng thủ công, cự ly bình quân 200m	1 tấn rác	33,840
2.6.10	Thu gom rác từ các điểm tập kết lên xe, vận chuyển đến địa điểm đổ cự ly $\leq 5\text{km}$ bằng xe 7 tấn	1 tấn rác	33,840
2.6.11	Vận chuyển rác đến địa điểm đổ cho 1km tiếp theo, xe 7 tấn	1 tấn rác/1Km	33,840
I	XV. Đường D8 (tưới nước thủy cục)		
1	Duy trì cây bóng mát loại 1	1 cây/năm	90,000
2	Mé nhánh không thường xuyên cây xanh - Cây xanh loại 1	1 cây/lần	186,000
3	Vận chuyển rác cây lấy cành khô, cành gãy do mưa bão, cắt mé tạo tán, tạo hình - Cây xanh loại 1	1 cây	186,000
4	Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình bằng thủ công	100 cây/lần	38,400
5	Duy trì cây cảnh tạo hình	100 cây/năm	0,300

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng
6	Tưới nước thăm cỏ - Bằng nước máy tưới thủ công	100 m2/lần	2.364,000
7	Phát thăm cỏ bằng máy	100 m2/lần	236,400
8	Bón phân cỏ	100 m2/lần	39,400
9	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng thủ công	100 m2/lần	129,600
10	Duy trì bồn cảnh, không hàng rào	100 m2/năm	1,060
11	Phát thăm cỏ bằng máy (Đường D8 phần vỉa hè)	100 m2/lần	123,480
12	Quét rác trong công viên, mảng xanh - Vị trí quét rác: Đường gạch	1000 m2/lần	37,020
13	Thu gom rác về điểm tập kết trong công viên bằng thủ công, cự ly bình quân 200m	1 tấn rác	44,620
14	Thu gom rác từ các điểm tập kết lên xe, vận chuyển đến địa điểm đổ cự ly ≤ 5 km bằng xe 7 tấn	1 tấn rác	44,620
15	Vận chuyển rác đến địa điểm đổ cho 1km tiếp theo, xe 7 tấn	1 tấn rác/1Km	44,620
II	XVI. Đường D9 (tưới nước xe bồn)		
1	Duy trì cây bóng mát loại 1	1 cây/năm	196,000
2	Mé nhánh không thường xuyên cây xanh - Cây xanh loại 1	1 cây/lần	399,000
3	Vận chuyển rác cây lấy cành khô, cành gãy do mưa bão, cắt mé tạo tán, tạo hình - Cây xanh loại 1	1 cây	399,000
4	Tưới nước cây kiểng trổ hoa, cây kiểng tạo hình và dây leo - Bằng xe bồn: Xe bồn 8 m3	100 cây/lần	30,000
5	Duy trì cây cảnh tạo hình	100 cây/năm	0,252
6	Tưới nước thăm cỏ - Bằng xe bồn: Xe bồn 8 m3	100 m2/lần	2.105,400
7	Phát thăm cỏ bằng máy	100 m2/lần	210,540
8	Bón phân cỏ	100 m2/lần	35,090
9	Tưới nước bồn hoa, bồn kiểng, cây hàng rào, rau muống biển, cúc xuyên chi - Bằng xe bồn: Xe bồn 8 m3	100 m2/lần	303,000
10	Duy trì bồn cảnh, không hàng rào	100 m2/năm	2,500
11	Phát thăm cỏ bằng máy (Đường D9 phần vỉa hè)	100 m2/lần	376,300
12	Quét rác trong công viên, mảng xanh - Vị trí quét rác: Đường gạch	1000 m2/lần	112,860
13	Thu gom rác về điểm tập kết trong công viên	1 tấn rác	84,240

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng
	bằng thủ công, cự ly bình quân 200m		
14	Thu gom rác từ các điểm tập kết lên xe, vận chuyển đến địa điểm đổ cự ly $\leq 5\text{km}$ bằng xe 7 tấn	1 tấn rác	84,240
15	Vận chuyển rác đến địa điểm đổ cho 1km tiếp theo, xe 7 tấn	1 tấn rác/1Km	84,240
III	XVII. Đường D10 (tưới nước thủy cục)		
1	Duy trì cây bóng mát loại 1	1 cây/năm	226,000
2	Mé nhánh không thường xuyên cây xanh - Cây xanh loại 1	1 cây/lần	455,000
3	Vận chuyển rác cây lấy cành khô, cành gãy do mưa bão, cắt mé tạo tán, tạo hình - Cây xanh loại 1	1 cây	455,000
4	Tưới nước thảm cỏ - Bằng nước máy tưới thủ công	100 m ² /lần	6.585,600
5	Phát thảm cỏ bằng máy	100 m ² /lần	658,560
6	Bón phân cỏ	100 m ² /lần	109,760
7	Phát thảm cỏ bằng máy (Đường D10 phần vỉa hè)	100 m ² /lần	183,900
8	Quét rác trong công viên, mảng xanh - Vị trí quét rác: Đường gạch	1000 m ² /lần	55,140
9	Thu gom rác về điểm tập kết trong công viên bằng thủ công, cự ly bình quân 200m	1 tấn rác	95,180
10	Thu gom rác từ các điểm tập kết lên xe, vận chuyển đến địa điểm đổ cự ly $\leq 5\text{km}$ bằng xe 7 tấn	1 tấn rác	95,180
11	Vận chuyển rác đến địa điểm đổ cho 1km tiếp theo, xe 7 tấn	1 tấn rác/1Km	95,180
12	Phát thảm cỏ bằng máy (Khu đất lô E-2b (E-2b-2))	100 m ² /lần	333,670

2. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

Trong việc thực hiện duy trì chăm sóc bảo dưỡng cây xanh, mảng xanh phù hợp với các quy trình, quy phạm áp dụng cho việc chăm sóc bảo dưỡng cây xanh, mảng xanh nhưng không làm giảm bớt bất kỳ nhiệm vụ, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào của Nhà thầu theo Hợp đồng và Chủ đầu tư có quyền kiểm tra bất cứ khâu nào trong quá trình thực hiện của nhà thầu của Nhà thầu. Yêu cầu về mặt kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

3.1. Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc chăm sóc bảo dưỡng:

- Mọi công tác chăm sóc bảo dưỡng các hạng mục công việc đều phải tuân thủ theo các Quy trình chăm sóc bảo dưỡng hiện hành.
- Nhà thầu phải có cam kết bảo hành, bảo dưỡng đối với toàn bộ về sự sinh

trường, phát triển của cây xanh đô thị thuộc gói thầu và sẽ trồng lại toàn bộ số cây chết, cây kém phát triển do chăm sóc không đúng cách, trừ trường hợp cây chết do bão lũ hoặc do các điều kiện bất khả kháng gây ra. Tuân thủ đầy đủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về chuyên ngành cũng như quy định pháp luật có liên quan.

3.2. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật chăm sóc bảo dưỡng:

- Mọi công tác kỹ thuật các hạng mục công việc đều phải tuân thủ theo quy định hiện hành.

- Tuân thủ đúng công việc duy trì cây xanh đô thị theo quy định hiện hành của Nhà nước theo Quyết định số 593/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ Xây dựng về công bố định mức duy trì cây xanh đô thị.

3.3. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ gói thầu:

Biểu đồ tiến độ thi công, biểu đồ nhân lực và phân bổ nhân lực, thiết bị phù hợp.

Tuỳ theo tiến độ và khối lượng công việc, nhà thầu có biện pháp huy động nhân lực và thiết bị thi công cho phù hợp. Tuy nhiên, để công việc thực hiện có hiệu quả, yêu cầu tại hiện trường phải có:

Nhân lực: Nhà thầu cam kết đáp ứng đầy đủ nguồn nhân lực để thực hiện khối lượng công việc theo hồ sơ dự thầu, bảo đảm chất lượng và tiến độ thực hiện gói thầu, và tuyền vào thời gian cao điểm có thể bố trí thêm nhân lực

Thiết bị thi công: Phải cam kết đáp ứng đủ yêu cầu thực hiện gói thầu

3.4. Yêu cầu về biện pháp tổ chức chăm sóc bảo dưỡng tổng thể và các hạng mục:

Nhà thầu đề xuất biện pháp chăm sóc bảo dưỡng chi tiết và tổng thể từng hạng mục theo yêu cầu của gói thầu đầy đủ, hợp lý và khả thi trên cơ sở các quy trình quy phạm chăm sóc và nghiệm thu hiện hành; đảm bảo được tiến độ, chất lượng.

3.5 Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu:

Có phương án, quy trình kiểm tra chất lượng đầy đủ, biện pháp quản lý hợp lý ở tất cả các công đoạn, hạng mục.

- Lập hệ thống quản lý chất lượng, yêu cầu kỹ thuật phù hợp với yêu cầu, tính chất, quy mô gói thầu, trong đó quy định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận thi công;

- Kiểm tra an toàn lao động, vệ sinh môi trường;

- Báo cáo chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động (nếu có), vệ sinh môi trường theo yêu cầu của chủ đầu tư.

Hình thức báo cáo:

+ Lịch công việc thực hiện: Báo cáo trước khi thực hiện công việc theo tuần, tháng (hoặc theo quý) để chủ đầu tư theo dõi, giám sát việc thực hiện thi công. (Ví dụ: Lịch tưới, cắt tỉa...).

+ Nhật ký: Dùng để báo cáo công việc đã thực hiện trong kỳ. Báo cáo định kỳ kết thúc công việc theo tuần, tháng hoặc quý. Báo cáo này được đối chiếu với lịch công việc thực hiện (có giám sát thực hiện của chủ đầu tư) làm cơ sở để thanh quyết toán khối lượng công việc hoàn thành.

- Chuẩn bị tài liệu làm căn cứ nghiệm thu, lập phiếu yêu cầu chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu;

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng; bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng, thi công không đảm bảo chất lượng hoặc gây hư hỏng, gây ô nhiễm môi trường và các hành vi khác gây ra thiệt hại.

3.6 Yêu cầu khác (nước phục vụ thi công).

- Nước: Nhà thầu lập phương án về việc sử dụng nguồn nước để phục vụ trong suốt thời gian chăm sóc bảo dưỡng cho phù hợp.

4. Yêu cầu về vệ sinh môi trường:

- Trong quá trình thực hiện không làm thiệt hại đến quyền lợi, không làm hư hại đến công trình, đường xá công cộng quanh khu vực thực hiện;

- Khi thực hiện phải hạn chế để bụi bặm, rác gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh. Cuối ngày phải dọn sạch rác, ...đổ vào chỗ qui định;

- Nhà thầu phải tự đảm bảo nguồn nước để thực hiện dịch vụ

5. Yêu cầu về an toàn lao động, an toàn giao thông:

Có biện pháp về an toàn lao động đảm bảo yêu cầu, cụ thể:

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về an toàn của tất cả các hoạt động tại khu vực thực hiện trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng

- An toàn đối với con người (công nhân, cán bộ thực hiện của nhà thầu, và tất cả những người khác có mặt tại khi thực hiện và các khu vực khác có liên quan);

- Có biện pháp đảm bảo an toàn khi làm việc;

- Bảo đảm trật tự, an ninh.

- Đối với công nhân phải có trang bị bảo hộ lao động.

6. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

Mục này quy định về quy trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, trình tự giao nộp sản phẩm (nếu có)... để phục vụ công tác thanh, quyết toán hợp đồng.

Chương III. BIỂU MẪU

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật
3. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI THẦU PHI TƯ VẤN
(áp dụng đối với gói thầu Phi tư vấn)

Ngày: ____ [Điền ngày, tháng, năm ký cam kết]

Tên gói thầu: ____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Tên dự án: ____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá, văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số ____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có], chúng tôi, ____ [Ghi tên nhà thầu] cam kết đã nghiên cứu kỹ các thông tin và sẽ thực hiện gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng hồ sơ yêu cầu báo giá được duyệt cũng như tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và bảo đảm thực hiện các yêu cầu khác theo đúng quy định của bản yêu cầu báo giá.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin nêu tại bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO
(áp dụng đối với gói thầu Phi tư vấn)

Bên mời thầu đưa ra danh sách các hạng mục công việc của gói thầu trong cột “Mô tả công việc mời thầu” cùng với đơn vị đo lường và khối lượng mời thầu tương ứng, phù hợp với hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đính kèm bản yêu cầu báo giá này. Mỗi hạng mục sẽ được mô tả chi tiết theo bảng sau để nhà thầu điền giá chào cho từng hạng mục.

TT	Mô tả công việc	Yêu cầu chi tiết	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Đơn giá	Thành tiền (cột 5x6)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Chăm sóc, bảo dưỡng mảng xanh Khu vực 4,5 thuộc công trình Bảo trì công trình hạ tầng và tiện ích công cộng năm 2026 tại Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	KHU VỰC 4				
		V. Đường D5 (tưới nước xe bồn)				
		Duy trì cây bóng mát loại 1	1 cây/năm	58,000		
		Tưới nước thảm cỏ - Bằng xe bồn: Xe bồn 8 m3	100 m2/lần	1.011,000		
		Phát thảm cỏ bằng máy	100 m2/lần	101,100		
		Bón phân cỏ	100 m2/lần	16,850		
		Phát thảm cỏ bằng máy (đường D5 phần vỉa hè)	100 m2/lần	113,460		
		Quét rác trong công viên, mảng xanh - Vị trí quét rác: Đường gạch	1000 m2/lần	34,020		
		Thu gom rác về điểm tập kết trong công viên bằng thủ công, cự ly bình quân 200m	1 tấn rác	28,200		
		Thu gom rác từ các điểm tập kết lên xe, vận chuyển đến địa điểm đổ cự ly ≤ 5km bằng xe 7	1 tấn rác	28,200		

TT	Mô tả công việc	Yêu cầu chi tiết	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Đơn giá	Thành tiền (cột 5x6)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		tấn				
		Vận chuyển rác đến địa điểm đổ cho 1km tiếp theo, xe 7 tấn	1 tấn rác/1Km	28,200		
		VI. Đường N9 (tưới nước bằng xe bồn)				
		Duy trì cây bóng mát mới trồng	1 cây/năm	6,000		
		Phát thảm cỏ bằng máy (Đường N9 phần vỉa hè)	100 m2/lần	37,040		
		Quét rác trong công viên, mảng xanh - Vị trí quét rác: Đường gạch	1000 m2/lần	11,100		
		Thu gom rác về điểm tập kết trong công viên bằng thủ công, cự ly bình quân 200m	1 tấn rác	5,920		
		Thu gom rác từ các điểm tập kết lên xe, vận chuyển đến địa điểm đổ cự ly ≤ 5 km bằng xe 7 tấn	1 tấn rác	5,920		
		Vận chuyển rác đến địa điểm đổ cho 1km tiếp theo, xe 7 tấn	1 tấn rác/1Km	5,920		
		KHU VỰC 5				
		XXXI. Đường N3 phần vỉa hè (tưới nước xe bồn)				
		Duy trì cây bóng mát loại 1	1 cây/năm	102,000		
		Mé nhánh không thường xuyên cây xanh - Cây xanh loại 1	1 cây/lần	102,000		
		Vận chuyển rác cây lấy cành khô, cành gãy do	1 cây	102,000		

TT	Mô tả công việc	Yêu cầu chi tiết	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Đơn giá	Thành tiền (cột 5x6)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		mưa bão, cắt mé tạo tán, tạo hình - Cây xanh loại 1				
		Tưới nước thăm cỏ - Bằng xe bồn: Xe bồn 8 m3	100 m2/lần	288,000		
		Phát thăm cỏ bằng máy	100 m2/lần	28,800		
		Phát thăm cỏ bằng máy (đường N3 phần vỉa hè)	100 m2/lần	198,540		
		Quét rác trong công viên, mảng xanh - Vị trí quét rác: Đường gạch	1000 m2/lần	119,100		
		Thu gom rác về điểm tập kết trong công viên bằng thủ công, cự ly bình quân 200m	1 tấn rác	46,480		
		Thu gom rác từ các điểm tập kết lên xe, vận chuyển đến địa điểm đổ cự ly ≤ 5 km bằng xe 7 tấn	1 tấn rác	46,480		
		Vận chuyển rác đến địa điểm đổ cho 1km tiếp theo, xe 7 tấn	1 tấn rác/1Km	46,480		
		XXXII. Đường N7 phần vỉa hè và dải phân cách (tưới nước xe bồn)		-		
		Duy trì cây bóng mát loại 1	1 cây/năm	12,000		
		Mé nhánh không thường xuyên cây xanh - Cây xanh loại 1	1 cây/lần	12,000		
		Vận chuyển rác cây lấy cành khô, cành gãy do mưa bão, cắt mé tạo tán, tạo hình - Cây xanh loại 1	1 cây	12,000		

TT	Mô tả công việc	Yêu cầu chi tiết	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Đơn giá	Thành tiền (cột 5x6)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Tưới nước cây kiểng trồng hoa, cây kiểng tạo hình và dây leo - Bằng xe bồn: Xe bồn 8 m ³	100 cây/lần	3,000		
		Duy trì cây cảnh tạo hình	100 cây/năm	0,025		
		Tưới nước thảm cỏ - Bằng xe bồn: Xe bồn 8 m ³	100 m ² /lần	2.321,400		
		Phát thảm cỏ bằng máy	100 m ² /lần	232,140		
		Bón phân cỏ	100 m ² /lần	38,690		
		Tưới nước bồn hoa, bồn kiểng, cây hàng rào, rau muống biển, cúc xuyên chi - Bằng xe bồn: Xe bồn 8 m ³	100 m ² /lần	51,600		
		Duy trì bồn cảnh, không hàng rào	100 m ² /năm	0,420		
		Phát thảm cỏ bằng máy (Đường N7 phần vỉa hè)	100 m ² /lần	57,420		
		Quét rác trong công viên, mảng xanh - Vị trí quét rác: Đường gạch	1000 m ² /lần	34,440		
		Thu gom rác về điểm tập kết trong công viên bằng thủ công, cự ly bình quân 200m	1 tấn rác	36,280		
		Thu gom rác từ các điểm tập kết lên xe, vận chuyển đến địa điểm đổ cự ly ≤ 5km bằng xe 7 tấn	1 tấn rác	36,280		
		Vận chuyển rác đến địa điểm đổ cho 1km tiếp theo, xe 7 tấn	1 tấn rác/1Km	36,280		
		XXXIII. Đường N10 phần vỉa hè (tưới nước xe bồn)		-		

TT	Mô tả công việc	Yêu cầu chi tiết	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Đơn giá	Thành tiền (cột 5x6)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Duy trì cây bóng mát loại 1	1 cây/năm	84,000		
		Mé nhánh không thường xuyên cây xanh - Cây xanh loại 1	1 cây/lần	84,000		
		Vận chuyển rác cây lấy cành khô, cành gãy do mưa bão, cắt mé tạo tán, tạo hình - Cây xanh loại 1	1 cây	84,000		
		Tưới nước thảm cỏ - Bằng xe bồn: Xe bồn 8 m3	100 m2/lần	412,800		
		Phát thảm cỏ bằng máy	100 m2/lần	41,280		
		Bón phân cỏ	100 m2/lần	6,880		
		Phát thảm cỏ bằng máy (Đường N10 phần vỉa hè)	100 m2/lần	135,680		
		Quét rác trong công viên, mảng xanh - Vị trí quét rác: Đường gạch	1000 m2/lần	81,360		
		Thu gom rác về điểm tập kết trong công viên bằng thủ công, cự ly bình quân 200m	1 tấn rác	33,840		
		Thu gom rác từ các điểm tập kết lên xe, vận chuyển đến địa điểm đổ cự ly ≤ 5 km bằng xe 7 tấn	1 tấn rác	33,840		
		Vận chuyển rác đến địa điểm đổ cho 1km tiếp theo, xe 7 tấn	1 tấn rác/1Km	33,840		
		XV. Đường D8 (tưới nước thủy cục)				
		Duy trì cây bóng mát loại 1	1 cây/năm	90,000		

TT	Mô tả công việc	Yêu cầu chi tiết	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Đơn giá	Thành tiền (cột 5x6)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Mé nhánh không thường xuyên cây xanh - Cây xanh loại 1	1 cây/lần	186,000		
		Vận chuyển rác cây lấy cành khô, cành gãy do mưa bão, cắt mé tạo tán, tạo hình - Cây xanh loại 1	1 cây	186,000		
		Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình bằng thủ công	100 cây/lần	38,400		
		Duy trì cây cảnh tạo hình	100 cây/năm	0,300		
		Tưới nước thảm cỏ - Bằng nước máy tưới thủ công	100 m2/lần	2.364,000		
		Phát thảm cỏ bằng máy	100 m2/lần	236,400		
		Bón phân cỏ	100 m2/lần	39,400		
		Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng thủ công	100 m2/lần	129,600		
		Duy trì bồn cảnh, không hàng rào	100 m2/năm	1,060		
		Phát thảm cỏ bằng máy (Đường D8 phân via hè	100 m2/lần	123,480		
		Quét rác trong công viên, mảng xanh - Vị trí quét rác: Đường gạch	1000 m2/lần	37,020		
		Thu gom rác về điểm tập kết trong công viên bằng thủ công, cự ly bình quân 200m	1 tấn rác	44,620		
		Thu gom rác từ các điểm tập kết lên xe, vận chuyển đến địa điểm đổ cự ly ≤ 5 km bằng xe 7	1 tấn rác	44,620		

TT	Mô tả công việc	Yêu cầu chi tiết	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Đơn giá	Thành tiền (cột 5x6)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		tấn				
		Vận chuyển rác đến địa điểm đổ cho 1km tiếp theo, xe 7 tấn	1 tấn rác/1Km	44,620		
		XVI. Đường D9 (tưới nước xe bồn)				
		Duy trì cây bóng mát loại 1	1 cây/năm	196,000		
		Mé nhánh không thường xuyên cây xanh - Cây xanh loại 1	1 cây/lần	399,000		
		Vận chuyển rác cây lấy cành khô, cành gãy do mưa bão, cắt mé tạo tán, tạo hình - Cây xanh loại 1	1 cây	399,000		
		Tưới nước cây kiểng trở hoa, cây kiểng tạo hình và dây leo - Bằng xe bồn: Xe bồn 8 m3	100 cây/lần	30,000		
		Duy trì cây cảnh tạo hình	100 cây/năm	0,252		
		Tưới nước thảm cỏ - Bằng xe bồn: Xe bồn 8 m3	100 m2/lần	2.105,400		
		Phát thảm cỏ bằng máy	100 m2/lần	210,540		
		Bón phân cỏ	100 m2/lần	35,090		
		Tưới nước bồn hoa, bồn kiểng, cây hàng rào, rau muống biển, cúc xuyên chi - Bằng xe bồn: Xe bồn 8 m3	100 m2/lần	303,000		
		Duy trì bồn cảnh, không hàng rào	100 m2/năm	2,500		
		Phát thảm cỏ bằng máy (Đường D9 phần vỉa hè)	100 m2/lần	376,300		

TT	Mô tả công việc	Yêu cầu chi tiết	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Đơn giá	Thành tiền (cột 5x6)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Quét rác trong công viên, mảng xanh - Vị trí quét rác: Đường gạch	1000 m2/lần	112,860		
		Thu gom rác về điểm tập kết trong công viên bằng thủ công, cự ly bình quân 200m	1 tấn rác	84,240		
		Thu gom rác từ các điểm tập kết lên xe, vận chuyển đến địa điểm đổ cự ly ≤ 5 km bằng xe 7 tấn	1 tấn rác	84,240		
		Vận chuyển rác đến địa điểm đổ cho 1km tiếp theo, xe 7 tấn	1 tấn rác/1Km	84,240		
		XVII. Đường D10 (tưới nước thủy cục)				
		Duy trì cây bóng mát loại 1	1 cây/năm	226,000		
		Mé nhánh không thường xuyên cây xanh - Cây xanh loại 1	1 cây/lần	455,000		
		Vận chuyển rác cây lấy cành khô, cành gãy do mưa bão, cắt mé tạo tán, tạo hình - Cây xanh loại 1	1 cây	455,000		
		Tưới nước thâm cỏ - Bằng nước máy tưới thủ công	100 m2/lần	6.585,600		
		Phát thâm cỏ bằng máy	100 m2/lần	658,560		
		Bón phân cỏ	100 m2/lần	109,760		
		Phát thâm cỏ bằng máy (Đường D10 phân vỉa hè)	100 m2/lần	183,900		

TT	Mô tả công việc	Yêu cầu chi tiết	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Đơn giá	Thành tiền (cột 5x6)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Quét rác trong công viên, mảng xanh - Vị trí quét rác: Đường gạch	1000 m2/lần	55,140		
		Thu gom rác về điểm tập kết trong công viên bằng thủ công, cự ly bình quân 200m	1 tấn rác	95,180		
		Thu gom rác từ các điểm tập kết lên xe, vận chuyển đến địa điểm đổ cự ly $\leq 5\text{km}$ bằng xe 7 tấn	1 tấn rác	95,180		
		Vận chuyển rác đến địa điểm đổ cho 1km tiếp theo, xe 7 tấn	1 tấn rác/1Km	95,180		
		Phát thảm cỏ bằng máy (Khu đất lô E-2b (E-2b-2))	100 m2/lần	333,670		
Giá chào (A + B + ...) (kết chuyển sang đơn chào hàng, trang số...)						

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Cột (2) (3) (4) (5) do bên mời thầu ghi cho phù hợp với gói thầu. Cột (6) và (7) do nhà thầu chào.

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ⁽¹⁾ ____ [Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005];

- Căn cứ ____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] của ____ [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư/bên mời thầu (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư/bên mời thầu [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

1. “Hợp đồng” là sự thỏa thuận giữa Bên A và Bên B, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo.
2. “Giá hợp đồng” là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp dịch vụ. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có).
3. “Gói thầu” là gói thầu “Phi tư vấn - Dịch vụ Chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh – mảng xanh Khu vực 4,5 thuộc công trình Bảo trì công trình hạ tầng và tiện ích công cộng tại Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh”.
4. “Địa điểm cung cấp dịch vụ” là địa điểm thuộc phạm vi Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.
5. “Yêu cầu báo giá” là toàn bộ tài liệu theo quy định tại Yêu cầu báo giá (viết tắt là: YCBG).
6. “Hồ sơ báo giá” là toàn bộ tài liệu của Nhà thầu lập theo yêu cầu của Yêu cầu báo giá và được nộp cho bên mời thầu theo quy định (viết tắt là: HSBG).
7. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các nội dung công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng.
8. “Ngày” là ngày dương lịch được tính liên tục, kể cả ngày nghỉ và ngày Lễ theo quy định.

Điều 2. Luật và ngôn ngữ sử dụng

1. Ngôn ngữ sử dụng là: Tiếng Việt.
2. Hợp đồng chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

Điều 3. Đối tượng hợp đồng

3. Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện gói thầu Phi tư vấn - Dịch vụ Chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh - mảng xanh Khu vực 4,5 thuộc công trình Bảo trì công trình hạ tầng và tiện ích công cộng tại Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở YCBG đã được phê duyệt, HSBG đã được chấp thuận, bảng giá ký hợp đồng.
4. Các hạng mục công việc và khối lượng Bên B thực hiện căn cứ theo hồ sơ yêu cầu, yêu cầu kỹ thuật trong YCBG được phê duyệt, HSBG được chấp thuận và bảng giá ký hợp đồng.
5. Quá trình thực hiện phải đảm bảo yêu cầu về chất lượng, tiến độ, giá cả, an toàn lao động, vệ sinh môi trường và được nghiệm thu định kỳ theo đúng quy định.

Điều 4. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
2. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. HSBG và các văn bản làm rõ HSBG của Nhà thầu (nếu có);
5. YCBG và các tài liệu sửa đổi, làm rõ YCBG (nếu có);

Điều 5. Trách nhiệm của bên A

1. Quyền hạn

- Bên A được thực hiện đầy đủ các biện pháp để giám sát, kiểm tra, quản lý chất lượng khi Bên B thực hiện công việc theo quy định của Hợp đồng và theo quy định hiện hành.
- Yêu cầu Bên B bảo đảm thực hiện hoàn toàn và đầy đủ các cam kết, điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.
- Yêu cầu thay thế nhân sự quản lý hoặc nhân sự trực tiếp thực hiện nhiệm vụ nếu nhận thấy không đáp ứng yêu cầu công việc, thường xuyên vi phạm quy định hoặc để xảy ra các sai sót, sự cố kỹ thuật ảnh hưởng đến chất lượng công việc theo hợp đồng.
- Tạm ngừng thực hiện công việc ngay lập tức hoặc có thời hạn nếu phát hiện Bên B thực hiện gói thầu không đạt theo yêu cầu và không phù hợp theo các quy trình đã được hai bên thống nhất.
- Từ chối nghiệm thu và thanh toán nếu Bên B thực hiện gói thầu không đảm bảo yêu cầu khối lượng và chất lượng.

2. Trách nhiệm

- Bên A có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá việc thực hiện gói thầu thường xuyên của Bên B.
- Bên A phối hợp với Bên B và các bên liên quan lập biên bản giải quyết những

vướng mắc phát sinh tại hiện trường để làm cơ sở giải quyết vụ việc và tranh chấp (nếu có).

- Thanh toán kịp thời cho Bên B theo đúng thời hạn và phương thức như đã nêu trong hợp đồng này và các phụ lục hợp đồng (nếu có).

Điều 6. Trách nhiệm của bên B

1. Quyền hạn

- Yêu cầu Bên A thanh toán giá trị khối lượng thực hiện hoàn thành theo đúng hợp đồng.
- Từ chối thực hiện những yêu cầu của Bên A nếu không phù hợp, không bao gồm trong hợp đồng hoặc trái quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm

- Bên B thực hiện cung cấp dịch vụ có nghĩa vụ bố trí đầy đủ nhân sự, phương tiện, thiết bị và tổ chức thực hiện đáp ứng yêu cầu sản phẩm hợp đồng.
- Bố trí đầy đủ cán bộ có trách nhiệm (có Quyết định phân công của Ban Giám đốc Công ty) để phối hợp giám sát Bên A trong công tác kiểm tra giám sát cũng như xử lý các sự cố phát sinh.
- Chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm theo Hợp đồng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong phạm vi Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh được giao theo quy định.
- Bên B phải lập hồ sơ nghiệm thu theo quy định và tuân thủ về thời gian theo yêu cầu của Bên A trước khi tổ chức nghiệm thu.
- Trong quá trình thực hiện gói thầu, nếu làm hư hỏng các công trình xung quanh (điện, nước, điện thoại, chiếu sáng; mảng xanh, các công trình của doanh nghiệp, của Khu Công nghệ cao,...), Bên B phải chịu trách nhiệm giải quyết và bồi thường.
- Thường xuyên kiểm tra hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi khu vực thực hiện, kịp thời phát hiện các hư hỏng, dấu hiệu mất an toàn. Khi phát hiện dấu hiệu mất an toàn phải báo ngay cho Bên A.

Điều 7. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

- Giá trị hợp đồng (làm tròn):** đồng (Bằng chữ:) (đã bao gồm thuế).
- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

Điều 8. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

- Bên B phải nộp cho Bên A bảo đảm thực hiện hợp đồng với số tiền là: đồng (Bằng chữ: Năm mươi lăm triệu, không trăm năm mươi ngàn, tám trăm bốn mươi đồng) thời hạn nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng là trước ngày
- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có giá trị và hiệu lực từ ngày phát hành đến khi Bên B đã thi công hoàn thành công trình và các nghĩa vụ theo hợp đồng. Trường hợp phải gia hạn kéo dài tiến độ thi công được Bên A chấp thuận thì Bên B phải gia hạn bảo đảm thực hiện hợp đồng với thời gian tương ứng.
- Bên B sẽ không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:
 - Từ chối thực hiện hợp đồng khi đã có hiệu lực.

- Trong thời gian thực hiện hợp đồng Bên B không thi công đầy đủ khối lượng, không đảm bảo chất lượng theo quy định của hợp đồng mà không giải trình lý do được Bên A xác nhận; Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng thiệt hại cho Bên A; Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Điều 9. Loại hợp đồng

Đơn giá cố định

Điều 10. Thời gian thực hiện hợp đồng

- Thời gian thực hiện toàn bộ gói thầu: 06 tháng kể từ tháng 7/2026.
- Thời gian kết thúc thực hiện gói thầu: Hoàn thành công việc theo thời gian thực hiện của hợp đồng đến ngày 31/12/2026.

Điều 11. Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá:

Không áp dụng

Điều 12. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực như hợp đồng số HD2600049416_2603120955 ngày 13/3/2026 ký giữa Ban Quản lý các dự án Đầu tư - Xây dựng Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH MTV Công viên Cây xanh TP.HCM.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định. Hợp đồng được tiến hành thanh ký sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán.

Điều 13. Yêu cầu về chất lượng, kiểm tra giám sát và nghiệm thu

1. Yêu cầu về khối lượng, chất lượng
 - Nhà thầu phải thực hiện đầy đủ các khối lượng công việc theo đúng HSYC được phê duyệt, trường hợp có thay đổi hoặc điều chỉnh phải được Bên A chấp thuận trước khi thực hiện.
 - Công tác chăm sóc, bảo dưỡng mảng xanh phải thực hiện đúng quy trình, an toàn lao động trong quá trình thực hiện công việc và đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng công trình theo quy định hiện hành.
2. Kiểm tra, giám sát của Bên A
 - Nội dung, phương thức kiểm tra, giám sát của Bên A được thực hiện theo quy định hiện hành và bám sát vào nội dung yêu cầu của gói thầu.
3. Nghiệm thu
 - Bên A chỉ xác nhận nghiệm thu khi sản phẩm của các công việc đảm bảo chất lượng theo quy định tại khoản 1 của Điều này.
 - Bên A sẽ xác nhận nghiệm thu hoàn thành thành 02 đợt, cụ thể:

+ Nghiệm thu hoàn thành đợt 01 ngày 30/9/2026: Cho khối lượng thực hiện từ ngày 01/7/2026 đến ngày 30/9/2026 tương ứng với 03 đợt nghiệm thu hiện trường.

- Nghiệm thu hiện trường đợt 01 ngày 31/7/2026 (khối lượng công việc thực hiện từ ngày 01/7/2026 đến ngày 31/7/2026).
- Nghiệm thu hiện trường đợt 02 ngày 31/8/2026 (khối lượng công việc thực hiện từ ngày 01/8/2026 đến ngày 31/8/2026).
- Nghiệm thu hiện trường đợt 03 ngày 30/9/2026 (khối lượng công việc thực hiện từ

ngày 01/9/2026 đến ngày 30/9/2026).

+ **Nghiệm thu hoàn thành đợt 02 ngày 31/12/2026: Cho khối lượng thực hiện từ ngày 01/10/2026 đến ngày 31/12/2026 tương ứng với 03 đợt nghiệm thu hiện trường.**

- Nghiệm thu hiện trường đợt 04 ngày 31/10/2026 (khối lượng công việc thực hiện từ ngày 01/10/2026 đến ngày 31/10/2026).
- Nghiệm thu hiện trường đợt 05 ngày 30/11/2026 (khối lượng công việc thực hiện từ ngày 01/11/2026 đến ngày 30/11/2026).
- Nghiệm thu hiện trường đợt 06 ngày 31/12/2026 (khối lượng công việc thực hiện từ ngày 01/12/2026 đến ngày 31/12/2026).

Điều 14. Nhân sự

1. Bên B phải huy động tất cả nhân sự như đã cam kết trong HSBG để thực hiện các nội dung công việc trừ trường hợp Bên A có thỏa thuận khác.
2. Trường hợp nhân sự mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình thì Bên A có văn bản yêu cầu thay thế. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Bên A, trong thời gian quy định Bên B phải thực hiện thay thế nhân sự có năng lực và kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Bên B chịu.

Điều 15. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng: Không tạm ứng.
 2. Thanh toán
- Hồ sơ thanh toán gồm:
 - + Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành.
 - + Bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành.
 - + Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng (nếu có).
 - + Xuất hoá đơn tài chính theo quy định.
 - + Văn bản đề nghị thanh toán của Bên B.
 - Số lần thanh toán: Thanh toán 02 (hai) đợt tương ứng với các đợt nghiệm thu hoàn thành. Thủ tục thanh toán chỉ thực hiện sau khi chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán.
 - Giá trị quyết toán của hợp đồng theo khối lượng thực tế thực hiện và được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp giá trị quyết toán nhỏ hơn so với giá trị đã thanh toán, Bên B có trách nhiệm hoàn trả lại cho Bên A trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A.
 - Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng (VNĐ).

Điều 16. Điều chỉnh hợp đồng

- Việc điều chỉnh hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:
 - a) Bổ sung hạng mục công việc cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong

hợp đồng;

b) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;

- Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp sửa đổi, bổ sung hợp đồng.

Điều 17. Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng

1. Tạm dừng hợp đồng

1.1 Tạm ngừng công việc bởi Bên A

Nếu Bên B không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc thực hiện không đảm bảo yêu cầu chất lượng theo các quy định tại HSYC, Bên A ra thông báo tạm ngừng công việc của Bên B và yêu cầu Bên B phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian 03 ngày, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho Bên A do tạm ngừng công việc.

1.2 Tạm ngừng công việc bởi Bên B:

a) Nếu Bên A không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, sau khi thông báo cho Bên A, Bên B có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Bên A thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Bên B phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Bên B phải thông báo cho Bên A để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Bên A xem xét và có ý kiến về các vấn đề như trên đã nêu.

1.3 Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

2. Chấm dứt hợp đồng

- Bên A có quyền xem xét chấm dứt hợp đồng nếu Bên B vi phạm một trong các trường hợp sau:

+ Bố trí nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công phục vụ gói thầu không đúng với yêu cầu của HSYC nhưng không thông báo cho Bên A và thực hiện ngay khi Bên A phát hiện.

+ Thực hiện công tác chăm sóc, bảo dưỡng mảnh xanh không đạt theo yêu cầu kỹ thuật được quy định trong HSYC và được nhắc nhở trên 03 lần bằng văn bản nhưng vẫn không khắc phục hoặc khắc phục không đạt.

+ Để xảy ra sự cố nghiêm trọng, ảnh hưởng đến khả năng khai thác bình thường của công trình hoặc để xảy ra các tai nạn chết người do các nguyên nhân chủ quan.

- Trường hợp một bên đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không phải do lỗi của bên kia gây ra, thì bên chấm dứt hợp đồng phải bồi thường thiệt hại cho bên kia.

- Trước khi chấm dứt hợp đồng, các bên phải thông báo ngay cho bên kia về việc chấm dứt hợp đồng, nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên chấm dứt hợp đồng phải bồi thường thiệt hại cho bên kia.

- Khi hợp đồng bị chấm dứt, thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm bị chấm dứt và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền có liên quan.

Điều 18. Phạt vi phạm Hợp đồng

- Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 19 của Hợp đồng này, nếu Bên B không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Bên A có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với 1%/ tháng cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện.
- Bên A sẽ khấu trừ tối đa đến 12% giá trị Hợp đồng. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Bên A có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 17 của Hợp đồng này.
- Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Bên A, Bên B có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với 100% chi phí cần thiết để khắc phục sai sót.

Điều 19. Rủi ro và bất khả kháng

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện có thể xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ lụt, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh....và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.
- Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải: tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa do sự kiện bất khả kháng gây ra và thông báo cho bên kia về sự kiện bất khả kháng chậm nhất là trong vòng 03 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Điều 20. Giải quyết tranh chấp hợp đồng

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có phát sinh vấn đề vướng mắc hoặc tranh chấp, các bên chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ và không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của mỗi bên.
- Trường hợp các vấn đề vướng mắc, tranh chấp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Hợp đồng này có hiệu lực như hợp đồng số HD2600049416_2603120955 ngày 13/3/2026 ký giữa Ban Quản lý các dự án Đầu tư - Xây dựng Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH MTV Công viên Cây xanh TP.HCM.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định
3. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các nội dung của Hợp đồng này. Các sửa đổi hoặc bổ sung (nếu có) phải được hai bên bàn bạc, thống nhất bằng văn bản và được thể hiện bằng Phụ lục hợp đồng. Hợp đồng này được lập thành 06 bản, Bên A

giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau./.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ/BÊN MỜI THẦU**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở bản yêu cầu báo giá, báo giá của nhà thầu và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 03a (bao gồm Mẫu số 03a(1), Mẫu số 03a(2)) hoặc Mẫu số 03b trong bản yêu cầu báo giá này].